

Số: /SYT-NVD
V/v báo cáo tình hình thực hiện kết
quả lựa chọn nhà thầu thuộc danh
mục đấu thầu tập trung cấp địa
phương giai đoạn 2023-2025 - Quý
IV/2024.

Kiên Giang, ngày tháng 01 năm 2025

Kính gửi:

- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế;
- Bệnh viện Bình An; Bệnh xá Công an tỉnh;
- Các nhà thầu trúng thầu.

(Sau đây gọi chung là các đơn vị)

Căn cứ Quyết định số 4236/QĐ-SYT ngày 15/12/2023 của Sở Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 1: Gói thầu thuốc generic thuộc kế hoạch cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 đợt 1. (Theo Quyết định số 2189/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang);

Căn cứ Quyết định số 1330/QĐ-SYT ngày 24/4/2024 của Sở Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 1: Gói thầu thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền) thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023 – 2025 (đợt 2). (Theo Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang);

Căn cứ Quyết định số 1331/QĐ-SYT ngày 24/4/2024 của Sở Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 2: Gói thầu vị thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023 – 2025 (đợt 2). (Theo Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang);

Căn cứ Quyết định số 1332/QĐ-SYT ngày 24/4/2024 của Sở Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 3: Gói thầu dược liệu (không bao gồm bán thành phẩm dược liệu có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023 – 2025 (đợt 2). (Theo Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang);

Căn cứ Quyết định số 1333/QĐ-SYT ngày 24/4/2024 của Sở Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 3: Gói thầu vắc xin tiêm chủng dịch vụ thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 (đợt 3). (Theo Quyết định số 3432/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang);

Căn cứ Quyết định số 1465/QĐ-SYT ngày 16/5/2024 của Sở Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 1: Gói thầu thuốc generic cấp cứu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 (đợt 3). (Theo Quyết định số 3432/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang);

Căn cứ Quyết định số 1630/QĐ-SYT ngày 27/6/2024 của Sở Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 2: Gói thầu thuốc generic thông thường thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 (đợt 3). (Theo Quyết định số 3432/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang);

Căn cứ các Thỏa thuận khung cung cấp thuốc cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-SYT ngày 06/01/2022 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc Ban hành quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương;

Thực hiện chế độ báo cáo kết quả đấu thầu, Sở Y tế có nhận báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương, giai đoạn năm 2023-2025 đến hết ngày 31/12/2024 của các đơn vị. Sở Y tế đã tiến hành tổng hợp và phân tích tình hình thực hiện kết quả đấu thầu tập trung cấp địa phương, giai đoạn 2023-2025 theo các gói thầu như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ TRÚNG THẦU THUỐC TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN HẾT 31/12/2024 QUÝ IV/2024: *(Bảng tổng hợp tình hình thực hiện đính kèm)*

1. Gói số 1: Gói thầu thuốc generic (đợt 1)

Giá trị trúng thầu: 182.352.817.031VND

Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến 31/12/2024: 7.689.579.538VND

Tỷ lệ thực hiện/Quý đã thực hiện: 37,38%

Tỷ lệ thực hiện/Tổng giá trị phân bổ: 18,69%

Báo cáo chi tiết của từng đơn vị: *(Đính kèm tại Bảng 1)*

2. Gói số 1: Gói thầu thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền) (đợt 2).

Giá trị trúng thầu: 150.663.882.090VND

Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến 31/12/2024: 9.514.310.986VND

Tỷ lệ thực hiện/Quý đã thực hiện: 40,61%

Tỷ lệ thực hiện/Tổng giá trị phân bổ: 14,62%

Báo cáo chi tiết của từng đơn vị: *(Đính kèm tại Bảng 2)*

3. Gói số 2: Gói thầu vị thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) (đợt 2).

Giá trị trúng thầu: 17.429.525.375VND

Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến 31/12/2024: 546.094.325VND

Tỷ lệ thực hiện/Quý đã thực hiện: 26,37%

Tỷ lệ thực hiện/Tổng giá trị phân bổ: 9,49%

Báo cáo chi tiết của từng đơn vị: *(Đính kèm tại Bảng 3)*

4. Gói số 3: Gói thầu dược liệu (không bao gồm bán thành phẩm dược liệu có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) (đợt 2)

Giá trị trúng thầu: 12.181.062.370VND

Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến 31/12/2024: 267.479.755VND

Tỷ lệ thực hiện/Quý đã thực hiện: 22,35%

Tỷ lệ thực hiện/Tổng giá trị phân bổ: 8,05%

Báo cáo chi tiết của từng đơn vị: *(Đính kèm tại Bảng 4)*

5. Gói số 1: Gói thầu thuốc generic cấp cứu (đợt 3).

Giá trị trúng thầu: 302.911.648.910VND

Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến 31/12/2024:
20.843.955.512VND

Tỷ lệ thực hiện/Quý đã thực hiện: 68,33%

Tỷ lệ thực hiện/Tổng giá trị phân bổ: 21,87%

Báo cáo chi tiết của từng đơn vị: *(Đính kèm tại Bảng 5)*

6. Gói số 2: Gói thầu thuốc generic thông thường (đợt 3).

Giá trị trúng thầu: 1.023.753.847.376VND

Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến 31/12/2024:
72.756.132.717VND

Tỷ lệ thực hiện/Quý đã thực hiện: 46,59%

Tỷ lệ thực hiện/Tổng giá trị phân bổ: 13,05%

Báo cáo chi tiết của từng đơn vị: *(Đính kèm tại Bảng 6)*

7. Gói số 3: Gói thầu vắc xin tiêm chủng dịch vụ (đợt 3).

Giá trị trúng thầu: 95.809.697.210VND

Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến 31/12/2024: 3.934.176.170VND

Tỷ lệ thực hiện/Quý đã thực hiện: 28,87%

Tỷ lệ thực hiện/Tổng giá trị phân bổ: 10,39%

Báo cáo chi tiết của từng đơn vị: *(Đính kèm tại Bảng 7)*

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CÁC ĐƠN VỊ LƯU Ý TIẾP TỤC THỰC HIỆN:

1. Đảm bảo thực hiện kết quả trúng thầu thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương, giai đoạn năm 2023-2025 cân đối giữa các nhóm thuốc, đặc biệt có tỉ lệ thực hiện thấp và tồn kho lớn.

2. Các đơn vị có hoạt chất sử dụng trên 120% hoặc dưới 50% số lượng phân bổ theo tiến độ chủ động lập kế hoạch điều tiết và sử dụng thuốc đảm bảo cung ứng thuốc cho nhu cầu điều trị và đáp ứng theo quy định về tỉ lệ thực hiện tối thiểu đạt 80% giá trị của từng phần trong hợp đồng đã ký kết.

3. Trường hợp nhà thầu không đảm bảo cung ứng thuốc gây ảnh hưởng đến điều trị, các đơn vị báo cáo ngay về Sở Y tế. Trường hợp nhà thầu thực hiện gói thầu vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng đến tiến độ cung cấp, Sở Y tế sẽ xử lý theo quy định tại Điều 117 – Xử lý tình huống trong đấu thầu của Nghị định 63/2014/NĐ-CP và báo cáo về Cục Quản lý Dược về khả năng cung ứng thuốc của nhà thầu.

4. Tỷ lệ thực hiện Quý IV/2024: Gói số 1: Gói thầu thuốc generic cấp cứu (đợt 3) thực hiện 68,33% cao nhất, tiếp theo gói số 2: Gói thầu thuốc generic thông thường (đợt 3) tỷ lệ 46,59%, Gói số 1: Gói thầu thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền tỷ lệ 40,61% ...

5. Các nhóm thuốc cấp cứu, thuốc giải độc, thuốc hiếm, thuốc kiểm soát đặc biệt, dịch truyền, cơ sở y tế theo dõi bảo đảm thực hiện tối thiểu 50% giá trị của từng phần trong hợp đồng đã ký kết.

6. Đối với các gói thuốc có tỷ lệ sử dụng thấp như Gói số 3: Gói thầu dược liệu (không bao gồm bán thành phẩm dược liệu có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) (đợt 2) tỷ lệ 22,35%, Gói số 2: Gói thầu vị thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) (đợt 2) tỷ lệ 26,37%, Gói số 3: Gói thầu vắc xin tiêm chủng dịch vụ (đợt 3) tỷ lệ 28,87%. Đề nghị các đơn vị rà soát xem xét và có kế hoạch thực hiện theo khoản 2 Điều 39 Thông tư 15/2019/TT-BYT.

Sở Y tế tỉnh thông báo đến các đơn vị được biết, theo dõi và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Trang thông tin điện tử SYT;
- Trang VPĐT SYT;
- Lưu: VT, NVD, lvminh.

GIÁM ĐỐC

Hồ Văn Dũng

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ TRÚNG THẦU THUỐC TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG
TRÊN TOÀN TỈNH, GIAI ĐOẠN NĂM 2023-2025 - QUÝ III NĂM 2024**

(từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024)

STT	Tên gói thầu	Báo cáo	Giá trị trúng thầu	Theo báo cáo đơn vị			
				Giá trị nhập hàng đến ngày 30/09/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Tỷ lệ thực hiện/Quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện/Tổng giá trị phân bổ
Đợt 1							
1	Gói số 1: Gói thầu thuốc generic-Đợt 1: Quyết định số 4236/SYT-QĐ	Quý 4/2024	182.352.817.031	26.388.267.725	7.689.579.538	37,38%	18,69%
Đợt 2							
2	Gói số 1: Gói thầu thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền -Đợt 2: Quyết định số 1330/SYT-QĐ	Quý 4/2024	150.663.882.090	12.513.410.076	9.514.310.986	40,61%	14,62%
3	Gói số 2: Gói thầu vị thuốc cổ truyền -Đợt 2: Quyết định số 1331 và 1618/SYT-QĐ	Quý 4/2024	17.429.525.375	1.108.665.050	546.094.325	26,37%	9,49%
4	Gói số 3: Gói thầu dược liệu -Đợt 2: Quyết định số 1332 và 1619/SYT-QĐ	Quý 4/2024	12.181.062.370	712.534.195	267.479.755	22,35%	8,05%
Đợt 3							

STT	Tên gói thầu	Báo cáo	Giá trị trúng thầu	Theo báo cáo đơn vị			
				Giá trị nhập hàng đến ngày 30/09/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Tỷ lệ thực hiện/Quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện/Tổng giá trị phân bổ
5	Gói số 1: Gói thầu thuốc generic cấp cứu -Đợt 3: Quyết định số 1465/SYT-QĐ	Quý 4/2024	302.911.648.910	45.391.312.622	20.843.955.512	68,33%	21,87%
6	Gói số 2: Gói thầu thuốc generic thông thường - Đợt 3: quyết định 1630/SYT-QĐ	Quý 4/2024	1.023.753.847.376	60.799.028.065	72.756.132.717	46,59%	13,05%
7	Gói số 3: Gói thầu vắc xin tiêm chủng dịch -Đợt 3: Quyết định số 1333/SYT-QĐ	Quý 4/2024	95.809.697.210	6.023.151.330	3.934.176.170	28,87%	10,39%

**BẢNG 1: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ TRÚNG THẦU TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG,
 GIAI ĐOẠN NĂM 2023-2025 - QUÝ IV NĂM 2024
 (từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024)
 Gói số 1: Gói thầu thuốc generic (đợt 1)**

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/09/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
1	Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang	91001	60.992.978.720	13.672.196.845	2.794.456.930	04/08	54,00%
2	Bệnh viện đa khoa tư nhân Bình An	91034	5.175.437.200	1.097.732.612	451.865.500	04/08	59,88%
3	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	91912	311.685.000	111.705.380	30.641.340	04/08	91,34%
4	Bệnh viện Sản - Nhi	91917	6.155.958.860	532.031.808	567.564.372	04/08	35,72%
5	Bệnh viện Tâm thần	91915	558.940.000	515.508.000	32.429.800	04/08	196,06%
6	Bệnh viện Ung Bướu	BVUB	3.242.960.500	459.068.540	97.640.500	04/08	34,33%
7	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Kiên Giang	91014	195.704.900	22.439.250	15.306.760	04/08	38,57%
8	Bệnh xá Công an tỉnh Kiên Giang	98491	884.052.800	70.308.080	57.842.000	04/08	28,99%
9	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	TTKSBT	11.974.000	8.471.000	0	04/08	141,49%

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/09/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
10	Trung tâm Y tế huyện An Biên	91008	7.863.542.680	713.107.580	191.162.400	04/08	23,00%
11	Trung tâm Y tế huyện An Minh	91009	8.363.910.140	790.552.740	534.618.800	04/08	31,69%
12	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	91005	3.940.494.096	608.849.420	139.444.480	04/08	37,98%
13	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	91038	1.538.520.060	87.913.170	31.596.700	04/08	15,54%
14	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006	10.316.645.400	1.329.444.950	582.464.590	04/08	37,06%
15	Trung tâm Y tế huyện Gò Quao	91007	2.350.144.000	311.956.340	215.846.490	04/08	44,92%
16	Trung tâm Y tế huyện Hòn Đất	91003	6.078.703.345	804.869.700	187.296.600	04/08	32,64%
17	Trung tâm Y tế huyện Kiên Hải	91012	155.456.680	23.671.160	1.878.000	04/08	32,87%
18	Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương	91013	3.035.899.900	258.763.400	233.446.380	04/08	32,43%
19	Trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp	91004	10.684.848.800	624.293.400	431.153.496	04/08	19,76%
20	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	91039	2.379.267.600	218.988.300	168.073.300	04/08	32,54%
21	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	28.830.540.000	2.728.094.740	421.558.600	04/08	21,85%

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/09/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
22	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002	1.391.238.050	141.429.960	37.505.900	04/08	25,72%
23	Trung tâm Y tế thành phố Phú Quốc	91011	16.737.305.500	909.962.110	270.743.400	04/08	14,11%
24	Trung tâm Y tế thành phố Rạch Giá	91101	1.156.608.800	346.909.240	195.043.200	04/08	93,71%

**BẢNG 2: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ TRÚNG THẦU TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG,
GIAI ĐOẠN NĂM 2023-2025 - QUÝ IV NĂM 2024
(từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024)**

Gói số 1: Gói thầu vị thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) (đợt 2)

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/09/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
1	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Kiên Giang	91014	32.892.919.500	2.645.686.970	1.221.577.692	03/08	32,66%
2	Trung tâm Y tế huyện An Biên	91008	11.050.104.000	1.581.462.756	611.434.672	03/08	55,13%
3	Trung tâm Y tế huyện An Minh	91009	14.224.636.000	1.078.647.930	820.613.600	03/08	37,09%
4	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	91005	11.548.801.000	1.316.061.570	1.560.293.550	03/08	69,18%
5	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	91038	276.546.390	0	0	03/08	0,00%
6	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006	15.902.380.000	221.792.000	330.872.300	03/08	9,65%
7	Trung tâm Y tế huyện Gò Quao	91007	3.430.578.500	406.483.400	239.204.680	03/08	52,28%
8	Trung tâm Y tế huyện Hòn Đất	91003	6.274.363.200	406.728.300	537.339.100	03/08	41,80%
9	Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương	91013	3.041.782.000	155.770.770	144.399.480	03/08	27,41%
10	Trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp	91004	19.223.324.000	1.492.184.470	1.373.029.922	03/08	41,40%

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/09/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
11	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	91039	5.838.396.000	701.776.100	545.162.060	03/08	59,33%
12	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	17.864.500.000	1.115.505.000	1.064.092.400	03/08	33,89%
13	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002	893.700.000	200.504.600	27.037.600	03/08	70,72%
14	Trung tâm Y tế thành phố Phú Quốc	91011	1.178.239.500	504.962.460	50.820.000	03/08	131,03%
15	Trung tâm Y tế thành phố Rạch Giá	91101	7.023.612.000	685.843.750	988.433.930	03/08	66,22%

**BẢNG 3: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ TRÚNG THẦU TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG,
GIAI ĐOẠN NĂM 2023-2025 - QUÝ IV NĂM 2024**

(từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024)

Gói số 2: Gói thầu vị thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) (đợt 2)

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/09/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
1	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Kiên Giang	91014	13.052.552.475	1.022.282.900	430.601.400	03/08	30,92%
2	Trung tâm Y tế huyện An Biên	91008	1.210.008.800	0	15.321.750	03/08	3,52%
3	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006	749.029.800	18.773.000	37.686.250	03/08	20,94%
4	Trung tâm Y tế huyện Gò Quao	91007	43.281.000	0	0	03/08	0,00%
5	Trung tâm Y tế huyện Hòn Đất	91003	492.371.400	0	25.116.575	03/08	14,17%
6	Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương	91013	455.890.150	0	0	03/08	0,00%
7	Trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp	91004	1.039.718.400	8.563.300	4.905.600	03/08	3,60%
8	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	108.014.250	0	0	03/08	0,00%
9	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002	278.659.100	59.045.850	32.462.750	03/08	91,22%

**BẢNG 4: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ TRÚNG THẦU TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG,
GIAI ĐOẠN NĂM 2023-2025 - QUÝ IV NĂM 2024**

(từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024)

Gói số 3: Gói thầu dược liệu (không bao gồm bán thành phẩm dược liệu có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) (đợt 2)

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/09/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
1	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Kiên Giang	91014	8.102.393.815	699.691.195	178.562.350	03/08	30,11%
2	Trung tâm Y tế huyện An Biên	91008	1.291.136.560	0	73.278.200	03/08	15,77%
3	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006	1.254.936.920	0	0	03/08	0,00%
4	Trung tâm Y tế huyện Gò Quao	91007	60.362.175	0	0	03/08	0,00%
5	Trung tâm Y tế huyện Hòn Đất	91003	230.576.840	0	15.002.905	03/08	18,07%
6	Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương	91013	317.499.450	0	0	03/08	0,00%
7	Trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp	91004	792.992.240	12.843.000	636.300	03/08	4,72%
8	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	131.164.370	0	0	03/08	0,00%

**BẢNG 5: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ TRÚNG THẦU TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG,
 GIAI ĐOẠN NĂM 2023-2025 - QUÝ IV NĂM 2024
 (từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024)
 Gói số 1: Gói thầu thuốc generic cấp cứu (đợt 3)**

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/09/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
1	Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang	91001	149.658.011.168	25.080.205.335	12.286.849.957	02/08	78,03%
2	Bệnh viện đa khoa tư nhân Bình An	91034	11.544.270.200	862.268.474	966.209.220	02/08	49,50%
3	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	91912	2.352.333.650	838.240.380	284.266.970	02/08	149,12%
4	Bệnh viện Sản - Nhi	91917	15.278.002.928	447.831.100	573.445.600	02/08	20,89%
5	Bệnh viện Tâm thần	91915	3.550.071.600	1.180.832.120	420.246.000	02/08	140,94%
6	Bệnh viện Ung Bướu	BVUB	10.718.977.150	277.479.880	220.233.240	02/08	14,51%
7	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Kiên Giang	91014	340.823.260	17.367.040	22.022.860	02/08	36,12%
8	Bệnh xá Công an tỉnh Kiên Giang	98491	267.040.000	16.802.000	0	02/08	19,66%
9	Chi Cục Dân Số và Kế hoạch hóa gia đình	CCDS	87.480.000	0	0	02/08	0,00%
10	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	TTKSBT	988.218.000	275.935.380	119.170.800	02/08	124,94%

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/09/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
11	Trung tâm Y tế huyện An Biên	91008	5.478.617.040	371.461.960	196.787.940	02/08	32,41%
12	Trung tâm Y tế huyện An Minh	91009	14.608.603.160	334.112.878	906.630.770	02/08	26,54%
13	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	91005	1.247.751.912	164.019.965	62.629.200	02/08	56,76%
14	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	91038	1.602.907.280	8.493.000	5.317.100	02/08	2,69%
15	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006	19.563.823.952	7.330.290.588	1.474.837.650	02/08	140,65%
16	Trung tâm Y tế huyện Gò Quao	91007	3.833.206.400	437.827.994	127.658.540	02/08	46,10%
17	Trung tâm Y tế huyện Hòn Đất	91003	1.458.798.816	288.492.170	240.169.710	02/08	113,25%
18	Trung tâm Y tế huyện Kiên Hải	91012	127.059.500	36.082.410	14.146.400	02/08	123,54%
19	Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương	91013	4.310.983.110	4.785.013.162	153.933.434	02/08	358,02%
20	Trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp	91004	10.341.901.212	823.736.936	805.714.635	02/08	49,24%
21	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	91039	3.338.942.832	334.272.750	406.529.000	02/08	69,33%
22	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	16.874.711.000	601.690.216	766.244.790	02/08	25,33%

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/09/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
23	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002	1.754.059.600	113.870.932	24.333.390	02/08	24,62%
24	Trung tâm Y tế thành phố Phú Quốc	91011	22.307.362.640	700.810.860	475.933.800	02/08	16,48%
25	Trung tâm Y tế thành phố Rạch Giá	91101	1.277.692.500	64.175.092	290.644.506	02/08	86,78%

**BẢNG 6: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ TRÚNG THẦU TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG,
GIAI ĐOẠN NĂM 2023-2025 - QUÝ IV NĂM 2024**

(từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024)

Gói số 2: Gói thầu thuốc generic thông thường (đợt 3)

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/09/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
1	Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang	91001	433.179.074.910	31.544.192.154	35.115.918.644	02/08	54,96%
2	Bệnh viện đa khoa tư nhân Bình An	91034	32.466.177.800	1.983.299.106	2.307.689.478	02/08	47,20%
3	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	91912	6.452.200.100	574.371.540	293.083.300	02/08	48,02%
4	Bệnh viện Sản - Nhi	91917	35.514.046.140	945.345.870	2.095.414.220	02/08	30,58%
5	Bệnh viện Tâm thần	91915	12.597.209.000	1.803.445.560	2.254.340.350	02/08	115,04%
6	Bệnh viện Ung Bướu	BVUB	60.283.619.720	2.527.256.225	2.938.221.125	02/08	32,38%
7	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Kiên Giang	91014	1.535.445.250	94.611.060	76.932.460	02/08	39,90%
8	Bệnh xá Công an tỉnh Kiên Giang	98491	2.409.070.400	106.003.950	0	02/08	15,72%
9	Chi Cục Dân Số và Kế hoạch hóa gia đình	CCDS	346.401.120	0	0	02/08	0,00%

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/09/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
10	Trung tâm Y tế huyện An Biên	91008	51.079.340.200	2.306.221.070	2.850.589.900	02/08	36,06%
11	Trung tâm Y tế huyện An Minh	91009	41.180.052.248	1.301.151.144	824.144.300	02/08	18,43%
12	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	91005	20.929.743.300	1.507.846.862	1.628.261.836	02/08	53,51%
13	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	91038	6.132.544.320	39.221.580	74.702.290	02/08	6,63%
14	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006	58.092.978.392	3.205.754.030	7.980.728.946	02/08	68,77%
15	Trung tâm Y tế huyện Gò Quao	91007	25.027.377.100	1.912.284.730	1.780.549.349	02/08	52,70%
16	Trung tâm Y tế huyện Hòn Đất	91003	24.761.757.120	1.639.045.630	1.928.667.591	02/08	51,46%
17	Trung tâm Y tế huyện Kiên Hải	91012	436.827.800	78.627.024	119.809.640	02/08	162,24%
18	Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương	91013	21.200.087.532	293.784.460	671.149.390	02/08	16,26%
19	Trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp	91004	68.175.170.496	4.199.470.290	2.611.910.248	02/08	35,68%
20	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	91039	7.262.019.000	408.137.220	454.473.004	02/08	42,42%
21	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	54.661.345.680	1.532.183.810	4.357.696.280	02/08	38,48%

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/09/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
22	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002	6.562.561.040	420.465.426	228.517.000	02/08	35,32%
23	Trung tâm Y tế thành phố Phú Quốc	91011	47.175.680.208	2.078.651.864	1.490.103.942	02/08	27,02%
24	Trung tâm Y tế thành phố Rạch Giá	91101	6.293.118.500	297.657.460	673.229.424	02/08	55,10%

**BẢNG 7: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ TRÚNG THẦU TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG,
GIAI ĐOẠN NĂM 2023-2025 - QUÝ IV NĂM 2024**

(từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024)

Gói số 3: Gói thầu vắc xin tiêm chủng dịch vụ (đợt 3)

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/09/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
1	Bệnh viện Sản - Nhi	91917	17.716.234.000	0	10.560.000	03/08	0,17%
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	TTKSBT	23.651.051.600	2.805.010.020	1.580.265.850	03/08	51,50%
3	Trung tâm Y tế huyện An Biên	91008	1.578.622.600	116.874.450	174.707.400	03/08	51,31%
4	Trung tâm Y tế huyện An Minh	91009	4.417.371.000	163.422.000	218.509.200	03/08	24,02%
5	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	91005	441.568.000	0	0	03/08	0,00%
6	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	91038	183.817.200	18.916.800	15.960.000	03/08	52,70%
7	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	91006	9.865.737.000	889.095.000	337.897.500	03/08	34,55%
8	Trung tâm Y tế huyện Gò Quao	91007	797.728.150	62.952.000	74.656.600	03/08	47,92%
9	Trung tâm Y tế huyện Hòn Đất	91003	3.101.725.320	249.764.150	219.263.550	03/08	42,00%
10	Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương	91013	3.003.678.140	59.560.000	211.425.570	03/08	25,06%

STT	Tên CSYT	Mã CSYT	Giá trị trúng thầu	Giá trị nhập hàng đến ngày 30/09/2024	Giá trị nhập hàng từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Số quý đã thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
11	Trung tâm Y tế huyện Tân Hiệp	91004	4.391.741.800	657.101.730	499.962.700	03/08	73,18%
12	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	91039	1.178.047.200	105.830.800	157.280.800	03/08	62,04%
13	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	91010	7.435.006.000	433.621.600	324.298.500	03/08	28,32%
14	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	91002	508.368.000	58.816.800	0	03/08	32,14%
15	Trung tâm Y tế thành phố Phú Quốc	91011	5.721.425.200	0	0	03/08	0,00%
16	Trung tâm Y tế thành phố Rạch Giá	91101	11.817.576.000	402.185.980	109.388.500	03/08	12,02%